

**CÔNG KHAI GIÁ THUỐC TẠI NHÀ THUỐC
BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 1**

Từ ngày: 01/05/2025 đến ngày: 31/05/2025

STT	Tên thuốc	ĐVT	Giá bán (VNĐ)
Dùng ngoài			
1	bacTEROCIN OINT 5g 20mg	Tuýp	44.940,00
2	Biafine 93g	Tuýp	96.300,00
3	Budesonid Teva 0,5 mg/2mL	Ống	12.840,00
4	Buto-Asma 200 liều xịt 100 mcg	Lọ	52.965,00
5	Cetraxal 0,25 ml 2 mg/ml	Ống	9.202,00
6	cifLURON 0,3% 5ml	Ống	37.450,00
7	Ciprofloxacin 0,3% 15mg/5ml	Chai	2.171,40
8	Corsidic H - 10g (20 mg+10 mg)/g	Tuýp	57.459,00
9	DEP 10 g	Lọ	8.560,00
10	dkaSONIDE 120 liều 64mcg/liều xịt	Lọ	94.160,00
11	dkSALT 70ml 0,9%	Chai	25.016,60
12	Dorithricin 0,5/1/1,5 mg	Viên	3.168,00
13	Flixotide 120 liều xịt 125 mcg/liều xịt	Lọ	111.785,10
14	FOSMITIC 10ml 30 mg/ml	Lọ	94.160,00
15	Fucidin H - 15g (20 mg/10 mg)/g	Tuýp	103.929,10
16	GENTAmeson 10g (6,4/100/10 mg)	Tuýp	5.617,50
17	fluSORT Nasal Spray 120 liều 50 mcg/lần xịt	Hộp	140.049,00
18	mesECA 60 liều 50 mcg/0.05ml (0.1%)	Hộp	102.720,00

STT	Tên thuốc	ĐVT	Giá bán (VNĐ)
19	MILIAN 20 ml	Lọ	11.235,00
20	NATRI CLORID 0,9% 90mg/10ml	Lọ	1.432,20
21	Oflovid Col. - 5ml 0,3%	Lọ	59.783,04
22	Ofloxacin-POS 3mg/ml	Lọ	56.603,00
23	OtiPAX 15ml (4g/1 g)	Lọ	57.780,00
24	Pataday 2,5ml 0,2%	Chai	137.653,95
25	Pesancidin 15g 2%	Tuýp	45.957,00
26	Povidon IOD (Vàng) 20ml 10%	Lọ	5.842,20
27	Povidine (Hồng) 20ml 5%	Lọ	6.824,46
28	PULMICORT RESPULES 2ml 0.5 mg/mL	Ống	26.649,42
29	Rectiofar 3ml 59,53%	Ống	2.260,50
30	Salres Aerosol 200 liều xịt 100 mcg/ một liều xịt	Bình	52.002,00
31	Seretid 120 liều xịt (25-50 mcg/liều xịt)	Lọ	154.796,00
32	Silvirin 20g 1%	Tuýp	18.457,50
33	Sovalimus 12g 0,03%	Tuýp	312.900,00
34	Teledrop 15ml	Lọ	85.600,00
35	Timolol 5ml 0,5%	Lọ	26.750,00
36	TOBREX 5ml 0,3%	Lọ	42.798,93
37	Tobramycin 0,3% 15mg/5ml	Lọ	2.990,90

STT	Tên thuốc	ĐVT	Giá bán (VNĐ)
38	VENTOLIN NEBULES 5mg/2,5ml	Ống	9.108,91
39	Ventolin Inhaler 200 liều xịt 100 mcg/ một liều xịt	Lọ	81.725,52
40	Xylometazolin 5mg/10ml	Lọ	3.239,50
41	ZENSALBU nebulas 2,5mg/2,5ml	Ống	4.851,00
42	ZENSALBU nebulas 5mg/2,5ml	Ống	8.988,00
43	zenSONID 0,5 mg/2mL	Ống	13.482,00
Kháng sinh			
44	Acyclovir Stella 800 mg	Viên	4.400,00
45	Amoxicilin 250 mg	Viên	442,75
46	Amoxicilin 250 mg	Gói	685,00
47	Augmentin 250/31,25	Gói	11.416,89
48	AUGMENTIN 625 (500/125 mg)	Viên	12.771,52
49	AUGmentin 562,5 (500/62,5 mg)	Gói	17.135,00
50	Amoxycilin - Vidipha 500 mg	Viên	724,50
51	AziCINE VIÊN 250 mg	Viên	3.960,00
52	bioCEMET DT 562,5 (500/62,5 mg)	Viên	10.111,50
53	CefuROVID 125 mg	Gói	1.755,60
54	CEPHALEXIN 500 mg	Viên	914,00
55	Cephalexin PMP 250 mg	Viên	1.010,85
56	cifGA 500 mg	Viên	1.127,00
57	cifATAZE DT 200 mg	Viên	3.663,00
58	Clarithromycin Stella 500mg 500 mg	Viên	4.180,00

STT	Tên thuốc	ĐVT	Giá bán (VNĐ)
59	Compacin 250 mg	Gói	5.390,00
60	Cotrimoxazole 480 mg (400/80 mg)	Viên	252,00
61	efodyl 125 mg	Gói	7.169,00
62	ImeCLOR 125 mg	Gói	4.088,70
63	imeFED DT VIÊN 250/31,25	Viên	8.763,30
64	Klacid Forte 500 mg	Viên	38.440,82
65	laNAM DT 400/57 mg	Gói	10.673,00
66	lanam SC 200/28,5 mg	Gói	7.280,28
67	MECEFIX - B.E 75 mg	Gói	6.099,00
68	MekoCEFACLOR 250 mg	Viên	2.475,00
69	mekocefactor 125 mg	Gói	2.145,00
70	Metronidazol 250 mg	Viên	207,00
71	meTINY 375 mg	Viên	10.593,00
72	Niflad ES 600/ 42,9mg	Viên	12.198,00
73	nystaTAB 500.000IU	Viên	863,00
74	Oxacillin IMP 500mg 500 mg	Viên	7.864,50
75	TINAZIwel 100 mg	Viên	6.525,93
76	zaromax 200 mg	Gói	1.760,00
77	ZAROMAX 500 mg	Viên	5.617,50
78	ZINNAT VIÊN 250 mg	Viên	13.385,70
Kháng sinh si rô			
79	Ankodinir Sp. 30ml 250 mg/5 ml	Lọ	123.779,25

STT	Tên thuốc	ĐVT	Giá bán (VNĐ)
80	aziPOWDER Sp.15ml 200 mg/5 ml	Chai	75.970,00
81	AZIPHAR Sp. 22,5 ml 200 mg/5 ml	Hộp	117.390,00
82	Betamox Plus Sp. 60 ml (400+57 mg/5 ml)	Chai	215.250,01
83	bostoCEF Suspension Sp. 60ml 125 mg/5 ml	Chai	131.247,90
84	braVINE INMED Sp. 40ml 125 mg/5 ml	Chai	106.758,18
85	CITiWel Sp. 60ml 50 mg/10 ml	Chai	56.710,00
86	Codintec 70 ml 100 mg/5 ml	Lọ	101.628,60
87	CURAM sp 60 ml (250mg+ 62,5mg)/5ml	Lọ	88.594,93
88	Klacid Sp. 60ml 125mg/5ml	Chai	108.297,00
89	mebiFACLOR Sp. 60ml 125 mg/5 ml	Chai	79.180,00
90	Quincef Sp. 50 ml 125 mg/5 ml	Chai	79.715,00
91	Taromentin Sp. 35ml (400/57)mg/5 ml	Lọ	144.900,00
92	Tedavi Sp. 70 ml (400+57)mg/5 ml	Lọ	152.250,00
93	Zinnat Sp. 50 ml 125 mg/5 ml	Chai	127.697,85
94	Zitromax Sp. 15ml 200 mg/5 ml	Chai	121.787,40
Mỹ Phẩm			
95	Baifem K Ochronno 15 g	Tuýp	165.900,00
96	Bella Baby Krem Na Zadecek 75 ml	Tuýp	207.900,00
97	ceradan hydra moisturiser 30 g	Tuýp	157.500,00
98	ceradan HYDRA MOISTURISER 80 g	Tuýp	304.500,00
99	ceradan skin BARRIER REPAIR cream 80g	Tuýp	441.000,00
100	ceradan moisturising WASH TUÝP 150 ml	Tuýp	197.400,00

STT	Tên thuốc	ĐVT	Giá bán (VNĐ)
101	Corine de Farme Hair & Body Wash 250 ml	Chai	189.000,00
102	EUCERIN PH5 SENSITIVE 400 ml	Chai	222.915,00
103	Gergel 25 g	Tuýp	126.000,00
104	Kin BABY TEETHING GEL 30 g	Tuýp	141.750,00
105	Kin GINGIVAL MOUTHWASH 250 ml	Chai	110.250,01
106	latopic FACE and body CREAM 75 ml	Tuýp	362.250,00
107	latopic body and HAIR WASH GEL 400 ml	Chai	509.250,00
108	latopic body EMULSION 250 ml	Chai	467.250,01
109	Neutraderm Gentle 3 IN 1 200 ml	Tuýp	183.750,00
110	SEBORADIN BEBE GEL 2IN1 500 ml	Chai	546.000,00
111	ziaja LANOLINA kosmetyczna 10g	Tuýp	176.400,00
112	ziaja BODY LOTION nourishing 400 ml	Chai	446.670,00
113	ziaja INTIMATE CREAMY WASH 200 ml	Chai	208.950,00
Siro			
114	Ambuxol Sp.75 ml 30 mg/5 ml	Chai	39.590,01
115	Amkuk Sp.120 ml 50 mg/5 ml	Hộp	80.250,00
116	Andoxin Sp. 60ml 0,05mg/ml	Lọ	110.250,00
117	Ho Astex Sp. 90 ml	Chai	38.131,59
118	ATDesloratadin Sp. 45 ml 2,5 mg/5ml	Chai	41.730,00
119	atiFEROLE 60 ml 800 mg/15ml	Hộp	83.460,00
120	Babi B.O.N 12 ml 400 IU/0,4ml	Chai	34.560,99
121	braIPORIN Syrup Sp 100ml 200 mg/5ml	Chai	126.000,00

STT	Tên thuốc	ĐVT	Giá bán (VNĐ)
122	BROSUVON Sp. 50ml 8 mg/5ml	Chai	48.150,00
123	Ceretrop 10% Sp. 60 ml 100 mg/ml	Chai	41.730,00
124	CETIGAM Sp. 60 ml 100mg/5ml	Chai	9.630,00
125	Colicare Drops 15ml (40 mg;0,0007 ml)/ml	Chai	40.660,00
126	DALEKINE siro 150ml 57,64 mg/ml	Chai	85.600,00
127	Depakine Drop 40ml 200 mg/ml	Chai	86.344,72
128	Desloratadin Sp. 40 ml 2,5 mg/5ml	Chai	36.808,01
129	Dizzo airX 15 ml 20 mg/0,3 ml	Chai	16.906,00
130	DKprofen Sp. 40 ml 100 mg/5 ml	Chai	28.890,00
131	Exopan 15ml 50 mg/ml	Chai	131.250,00
132	Gamalate B6 Sp. 80 ml	Chai	186.900,00
133	GRAZINcure Sp. 100ml 10 mg/5 ml	Chai	32.100,00
134	Haspan Sp. 80ml 700mg/100ml	Chai	55.635,72
135	Hemafort Sp. 60ml	Chai	40.660,00
136	obiKITON Sp. 120ml	Chai	74.900,00
137	PANCAL CHAI 100 ml 500mg/10ml	Chai	50.825,01
138	Polcalmex Sp. 150ml 44,1g + 9,6g	Chai	262.483,20
139	SALLET- Sp. 100 ML 2mg/5ml	Chai	32.064,69
140	SARA (Vị Cam) Sp. 60 ml 250 mg/5 ml	Chai	19.472,93
141	Aerius Sp. 60 ml 0,5 mg/ml	Chai	84.422,99
142	UBInutro Sp 120 ml	Lọ	48.150,00
143	Zedcal Sp. 100 ml	Chai	52.430,00

STT	Tên thuốc	ĐVT	Giá bán (VNĐ)
144	zinBEBE Sp. 1,12g/80ml 10 mg/5 ml	Chai	36.369,30
Thuốc gói			
145	ACC 200 mg	Gói	1.753,41
146	Atersin GÓI 5 ml	Gói	3.949,00
147	atiSYRUP ZINC GÓI - 10ml 20 mg	Gói	8.506,50
148	Avanka 10ml (250 mg + 250 mg)/5ml	Gói	6.634,00
149	Citoles 10 ml 0,456g; 0,426g	Gói	5.390,00
150	cezMETA 3g	Gói	869,00
151	Duphalac GÓI 10g/15ml	Gói	5.992,00
152	Forlax 10 g	Gói	5.477,00
153	Hapacol 80 mg	Gói	833,75
154	Siro Hedera GÓI 5ml 0,035g/5ml	Gói	4.510,00
155	hidrasec infants 10 mg	Gói	5.383,40
156	HIDRASEC Children 30 mg	Gói	5.728,78
157	Htnesoum 10 mg	Gói	6.955,00
158	Izipas 5 ml	Gói	3.828,00
159	Nexium GÓI 10 mg	Gói	24.028,00
160	Oresol DHG 245	Gói	926,00
161	PARA - OPC 250 mg	Gói	1.760,00
162	paraCOLD 500 mg	Gói	2.750,00
163	Pasigel 10 ml	Gói	3.410,00
164	Prednisolon Sachet 5 mg	Gói	1.595,00

STT	Tên thuốc	ĐVT	Giá bán (VNĐ)
165	zinKAST 5 mg	Gói	6.195,30
Thuốc ống			
166	Actrapid 10 ml 100 IU/ml	Lọ	64.200,00
167	Argistad- 5ml 1g/5ml	Ống	2.750,00
168	Atisalbu Ống 2 mg/ 5 ml	Ống	3.973,20
169	aticizal 2,5 mg/5ml	Ống	6.392,18
170	atiSYRUP ZINC Ống - 5ml 10mg	Ống	5.280,00
171	BATIwell 2 mg/ 2,5 ml	Ống	3.795,03
172	calcolife 5ml 65 mg/1ml	Ống	4.499,00
173	CALCOLIFE 8ml 65 mg/1ml	Ống	7.693,30
174	Catefat 1g/10ml	Ống	22.256,00
175	Cetigam Ống 10 ml 200 mg/10ml	Ống	8.453,00
176	Cezinco 5 ml	Ống	10.486,00
177	dasOLTAC 400 mg/8 ml	Ống	4.730,00
178	duCHAT 7,5 ml	Ống	12.786,50
179	gaDACAL 10 ml	Ống	10.700,00
180	HEMAFOLIC Ống 10ml 100 mg+1mg	Ống	7.235,34
181	Insulatard 10 ml 100 IU/ml	Lọ	63.130,00
182	Metiocolin 10 ml 10 mg/ml	Ống	12.840,00
183	Nausazy 5 ml 4 mg/5mL	Ống	15.515,00
184	Novorapid FlexPen 300U/3ml	Bút tiêm	209.160,00
185	obiBEBE - 10ml 470mg + 5mg	Ống	4.477,00

STT	Tên thuốc	ĐVT	Giá bán (VNĐ)
186	obiKITON - Ống 7,5ml	Ống	11.770,00
187	Palkids 5ml (72,4mg + 12,8mg + 28,33mg)/ml	Ống	11.174,01
188	paLLAS ống 240 mg/10 ml	Ống	3.927,00
189	Pezipex 7,5 ml	Ống	12.786,50
190	Profen 100 mg/10ml	Ống	4.950,00
191	Pyridol 10ml 186mg+936mg+10mg	Ống	5.499,99
192	Supodatin 5 ml	Ống	7.497,49
193	Vitasun 10ml 50mg Fe + 500mcg	Ống	9.998,08
Thuốc viên			
194	AERIUS 5 mg	Viên	10.186,40
195	agiROFEN 200 mg	Viên	540,50
196	agiRENYL 5000 IU	Viên	281,75
197	agi-VITAC 500mg	Viên	172,50
198	agiTYFEDOL 500 mg	Viên	182,00
199	agiFUROS 40 mg	Viên	106,00
200	SaVi Albendazol 200 mg	Viên	1.980,00
201	ASPIRIN stella 81 mg	Viên	76,00
202	Bamifen 10 mg	Viên	2.860,00
203	BERZTIN DT 20 mg	Viên	2.640,00
204	Berztin DT 5 mg	Viên	1.092,50
205	BisacodylDHG 5 mg	Viên	287,51
206	Branin 150 mg	Viên	7.383,00

STT	Tên thuốc	ĐVT	Giá bán (VNĐ)
207	calciFERAT 750 mg/200 IU	Viên	891,26
208	Calcium D3 750mg + 200UI	Viên	598,00
209	Captagim 25 mg	Viên	120,75
210	CarbamazEPIN 200 mg	Viên	1.062,60
211	Carbamaz 300 mg	Viên	4.620,00
212	Certican 0,25 mg	Viên	52.664,33
213	CERTICAN 0,5 mg	Viên	100.565,02
214	CLORPHENIRAMIN 4 mg	Viên	72,45
215	Cordarone 200 mg	Viên	7.222,50
216	dalekine 200 mg	Viên	2.200,00
217	dasBRAIN 1 g	Viên	13.482,00
218	dasARAB 75 mg	Viên	557,74
219	Depakine Chrono 333mg; 145mg	Viên	7.460,04
220	Derdiyok 10 mg	Viên	851,00
221	DigoxineQualy 0,25mg	Viên	736,00
222	EFFERALGAN ĐHM 300 mg	Viên	2.905,10
223	PARALmax sùi 325 mg	Viên	2.310,00
224	efferalgan ĐHM 80 mg	Viên	2.079,00
225	EFFEralgan ĐHM 150 mg	Viên	2.483,80
226	effe - ACEHASAN 100 mg	Viên	1.617,00
227	EmZinc Tablets 20 mg	Viên	3.410,00
228	Enalapril 5 mg	Viên	101,20

STT	Tên thuốc	ĐVT	Giá bán (VNĐ)
229	esoRAGIM 40 40mg	Viên	862,51
230	Espumisan Capsules 40 mg	Viên	963,71
231	fluTONIN 10 mg	Viên	1.135,05
232	Folacid 5 mg	Viên	207,00
233	Fycompa 2 mg	Viên	20.062,50
234	FYCOMPA 4 mg	Viên	32.100,00
235	Galcholic 200 mg	Viên	2.970,00
236	GAMALATE B6	Viên	10.111,50
237	GLUDIPHA 500mg	Viên	217,35
238	HALOPERIDOL 1,5 mg	Viên	299,00
239	HapACOL 325 mg	Viên	219,00
240	HAPACOL CAPLET 500 mg	Viên	223,10
241	HCQ 200 mg	Viên	4.928,00
242	Hemetrex 2,5 mg	viên	3.850,00
243	HuETHER-25 25 mg	Viên	3.179,00
244	Hydrocolacyl 5 mg	Viên	102,00
245	kiPEL chewable tablets 4 mg	Viên	8.453,00
246	Lainmi 5 mg	Viên	8.538,60
247	Lamictal 25 mg	Viên	5.390,00
248	Levothyrox 50 mcg	Viên	1.107,70
249	LEVOTHYROX 100 mcg	Viên	1.771,00
250	Lexostad 50 mg	Viên	1.375,00

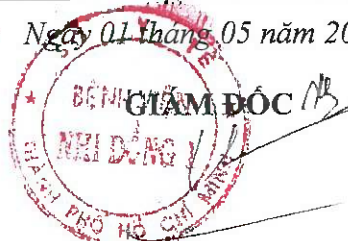
STT	Tên thuốc	ĐVT	Giá bán (VNĐ)
251	LoSTAD 50 mg	Viên	1.529,00
252	Magnesi B6 Stella Tablet 470/5 mg	Viên	1.000,50
253	Mebendazole 500 mg	Viên	1.595,00
254	MEDROL 16 mg	Viên	4.039,20
255	MesHANON 60 mg	Viên	2.656,50
256	Misenbo 62,5 mg	Viên	40.535,88
257	Mycophenolate mofetil TEVA 500 mg	Viên	46.705,50
258	Mycophenolate mofetil CAPSULES 250 mg	Viên	9.630,00
259	Neuronstad 300mg	viên	919,99
260	NEXIUM MUPS VIÊN 20 mg	Viên	24.027,92
261	Nifedipin Hasan 20 Retard 20 mg	Viên	579,60
262	Nocutil 0,1 mg	Viên	19.773,60
263	Normagut 2,5x10 ⁹ tế bào/250mg	Viên	6.955,00
264	oceMETHYL 4 mg	Vn sủi bột	1.815,00
265	Oxypod 5mg	Viên	8.560,00
266	Panadol Viên Sủi 500 mg	Viên	2.684,00
267	parTAMOL TAB 500 mg	Viên	552,00
268	Phenytoin 100 mg	Viên	338,00
269	proPRANOLOL 40 mg	Viên	690,00
270	racesec 10 mg	Viên	3.850,00
271	RACESEC 30 mg	Viên	4.620,00
272	Risperdal 1 mg	Viên	11.658,72
273	ROCLA 50 mg	Viên	10.593,00

STT	Tên thuốc	ĐVT	Giá bán (VNĐ)
274	Saferon 100 mg/500 mcg	Viên	4.950,00
275	Scanneuron 100mg/200mg/200 mcg	Viên	1.320,00
276	SIDELENA ODT 50 mg	Viên	23.433,00
277	SinGULAIR Viên 5 mg	Viên	14.447,14
278	SINGULAIR VIÊN 10 mg	Viên	14.447,14
279	Spironolacton 25 mg	Viên	376,05
280	staDNEX 20 mg	Viên	3.058,00
281	Stugeron 25 mg	Viên	854,45
282	tatanol trẻ em 120 mg	Viên	287,51
283	Thelizin 5 mg	Viên	96,60
284	Thyrozol 5mg	Viên	1.540,00
285	torENDO Q Tab (viên phân tán) 1 mg	Viên	10.486,00
286	TRILEPTAL 300 mg	Viên	8.628,48
287	Trihexyphenidyl 2 mg	Viên	170,20
288	usarichCATROL 0,25 mcg	Viên	339,25
289	Valgesic 10 mg	Viên	5.497,80
290	Vavir 450 mg	Viên	509.250,00
291	Vitamin B1 50 mg	Viên	270,25
292	Vitamin B6 - HD 50 mg	Viên	690,00
293	Vitamin C 100 mg	Viên	134,55
294	VITAMIN PP 50 mg	Viên	129,95
295	Vitamin E 400 IU	Viên	517,50
296	Warfarin 1 mg	Viên	1.540,00

STT	Tên thuốc	ĐVT	Giá bán (VNĐ)
297	WARFARIN AT 5 mg	Viên	2.888,00
298	xaRAVIX 10 mg	Viên	19.631,29
299	YSPBiotase	Viên	5.564,00
300	ZAPnex 10 mg	Viên	554,30
301	ZOKICETAM 500 mg	Viên	1.375,00
Thực phẩm chức năng			
302	6enzymes IP 10 ml	Ống	7.606,63
303	Calories MD 10 g	Gói	2.079,00
304	CALORIES MCT 5 g	Gói	3.996,00
305	caloKID Gold 0+; 900g	Hộp	416.000,00
306	Dielac Grow Plus 1+ 850g	Hộp	384.752,16
307	GOSIN-FOS 5 g	Gói	4.636,50
308	neoPEPTINE DROPS 15ml 300mg+150mg	Chai	56.538,80
309	nubone step 1 (1Kcal/ml) 750 g	Lon	673.920,00
310	Nutramigen LGG (0,68Kcal/ml) 400 g	Hộp	576.576,00
311	nutren JUNIOR 400 g	Hộp	370.240,00
312	Optimum Gold 4 (đạm bò nguyên, <1Kcal/ml) 850g	Hộp	366.612,48
313	PediASURE VANI 380 g	Hộp	300.300,00
314	PEPTAMEN junior 400 g	Hộp	481.953,89
315	SIMILAC ISOMIL PLUS 400 g	Hộp	228.796,00
316	Similac Isomil (đạm đậu nành) 400g	Hộp	254.517,00
317	Similac Total Comfort 0+ 360 g	Hộp	280.852,00

STT	Tên thuốc	ĐVT	Giá bán (VNĐ)
318	Vita IQ gold 0+ 700 g 69 KCal/100 ml	Hộp	391.230,78
319	Infogoss 3 g	Gói	3.933,60
320	Kiwi Golden Kiwi Colostrum Milk 20%	Viên	10.165,00
321	Morinaga HAGUKUMI 800g	lon	374.606,96
322	Morinaga CHILMIL 800g	lon	336.738,48
323	preNAN 380g	Hộp	202.543,96
324	Nan EXPERT PRO LACTOSE FREE 400 g	Hộp	183.855,42
325	NAN Optipro PLUS 1 400g	Lon	250.848,00
326	similac NEOSURE 370 g	Hộp	221.821,60
Vật tư - trang thiết bị			
327	Buồng đệm aerochamber Mouthpiece	Cái	378.000,00
328	Buồng đệm AEROCHAMBER	Cái	420.001,00
329	HYA gold Drops 10 ml	Chai	22.470,00
330	Denicol 15 ml 20% 3,87 g	Lọ	20.330,00
331	Khẩu trang 3 lớp tiết trùng	cái	391,00
332	Nami Nasal Spray 70ml	Chai	38.520,00
333	Ống chích 3ml	Cây	563,50
334	peg GOLD 6,65g	Gói	12.840,00
335	RAYSTAN PLUS 15ml	Hộp	62.916,01
336	Sterimar Nose Hygiene Baby 50ml	Chai	105.930,00
337	xyPENAT 75 ml 2,4%	Chai	38.841,00

Ngày 01 tháng 05 năm 2025



Nguyễn Thanh Hùng